

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN QUỠ HỢP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /UBND

Quỳ Hợp, ngày tháng năm 2022

Về việc đẩy mạnh thực thi pháp
luật và tuyên truyền phổ biến quy
định pháp luật về bảo vệ chim
hoang dã, di cư

Kính gửi:

- Công an huyện;
- Phòng Tài nguyên và Môi trường;
- Hạt Kiểm lâm huyện;
- Trung tâm Văn hóa, TTTT huyện
- Ủy ban nhân dân các xã, Thị trấn.

Thực hiện Công văn số 8310/UBND.NN ngày 24/10/2022 của UBND tỉnh Nghệ An về việc đẩy mạnh thực thi pháp luật và tuyên truyền phổ biến quy định pháp luật về bảo vệ chim hoang dã, di cư; Công văn số 6461/BNN-TCLN ngày 27/9/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Công văn số 6215/BTNMT-TCMT ngày 19/10/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc đẩy mạnh thực thi pháp luật và tuyên truyền, phổ biến quy định pháp luật về bảo tồn các loài chim hoang dã, chim di cư. Để thực hiện nghiêm túc ý kiến chỉ đạo của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện đề nghị Công an huyện và yêu cầu Phòng Tài nguyên và Môi trường; Hạt Kiểm lâm huyện; Trung tâm Văn hóa, TTTT huyện; Ủy ban nhân dân các xã, Thị trấn triển khai thực hiện nghiêm túc một số nội dung sau:

1. Đề nghị Công an huyện:

- Chỉ đạo Công an các xã tăng cường các biện pháp đấu tranh, phòng chống và xử lý nghiêm các hành vi săn, bắt, bẫy, mua, bán, vận chuyển, kinh doanh, tàng trữ, tiêu thụ trái pháp luật các loài chim hoang dã, di cư trên địa bàn huyện theo đúng quy định của pháp luật.

- Hỗ trợ và phối hợp chặt chẽ với các UBND các xã, thị trấn và các lực lượng chức năng trong công tác kiểm tra, kiểm soát các địa điểm có dấu hiệu hành vi vi phạm pháp luật về chim hoang dã, di cư trên địa bàn huyện theo đúng quy định của pháp luật.

2. Phòng Tài nguyên và Môi trường:

- Căn cứ Chỉ thị số 04/CT - TTg ngày 17/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp cấp bách để bảo tồn các loài chim hoang dã, di cư tại Việt Nam, Nghị định số 160/2013/NĐ - CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ về tiêu chí xác định loài và chế độ quản lý loài thuộc Danh mục loài nguy

cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 64/2019/NĐ CP ngày 16/7/2019 của Chính phủ), Công văn số 6461/BNNTCLN ngày 27/9/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Công văn số 6215/BTNMT-TCMT ngày 19/10/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường đề chủ động ban hành văn bản hướng dẫn việc quản lý, bảo vệ môi trường sống các loài chim hoang dã, di cư trên địa bàn huyện.

3. Hạt Kiểm lâm huyện:

- Phối hợp với Trung tâm dịch vụ Nông nghiệp huyện, Công an huyện và UBND các xã, thị trấn tăng cường tuần tra các khu vực trọng điểm về săn, bắt, mua, bán, tiêu thụ các loài chim hoang dã, di cư; kịp thời phát hiện, ngăn chặn và xử lý nghiêm các hành vi săn, bắt, bẫy, giết mổ, vận chuyển, kinh doanh, chế biến, tàng trữ trái pháp luật các loài chim hoang dã, di cư; tổ chức triệt phá các tụ điểm kinh doanh trái pháp luật các loài chim hoang dã, di cư trên địa bàn.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động người dân không thực hiện các hành vi săn, bắt, bẫy, mua, bán, vận chuyển, kinh doanh, tàng trữ, tiêu thụ trái pháp luật các loài chim hoang dã, di cư; chủ động tố giác các đối tượng vi phạm pháp luật về quản lý, bảo vệ các loài chim hoang dã, di cư.

- Triển khai, hướng dẫn các cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống, buôn bán sinh vật cảnh trên địa bàn ký cam kết không mua, bán, trưng bày, quảng cáo mẫu vật động vật hoang dã không rõ nguồn gốc hợp pháp; xử lý nghiêm các cá nhân, cơ sở kinh doanh vi phạm quy định.

- Tăng cường theo dõi, phát hiện và xử lý các bệnh, dịch có nguồn gốc từ chim, động vật hoang dã, di cư để tham mưu, chỉ đạo kịp thời.

4. Trung tâm Văn hóa, Thể thao và truyền thông huyện:

- Tổ chức các hoạt động tuyên truyền, hướng dẫn, quản lý, bảo vệ các loài chim hoang dã, di cư.

- Phối hợp với Hạt Kiểm lâm, các phòng, ban, ngành và UBND các xã, thị trấn tăng cường đưa tin, phát sóng các phóng sự, bản tin tuyên truyền về bảo vệ động vật hoang dã có nguồn gốc tự nhiên nói chung, các loài chim hoang dã, di cư nói riêng để người dân không tham gia các hoạt động săn bắt, bẫy, mua bán, vận chuyển, kinh doanh, tàng trữ, tiêu thụ trái pháp luật các loài chim hoang dã, di cư.

5. UBND các xã, Thị trấn:

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động người dân không thực hiện các hành vi săn, bắt, bẫy, mua, bán, vận chuyển, kinh doanh, tàng trữ, tiêu thụ trái pháp luật các loài chim hoang dã, di cư.

- Triển khai, thực hiện và hướng dẫn người dân về các quy định của pháp luật, văn bản của Trung ương, của tỉnh trong việc nghiêm cấm hoạt động săn, bắt, bẫy, mua, bán, vận chuyển, kinh doanh, tàng trữ, tiêu thụ trái pháp luật các loài chim hoang dã, di cư; xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật liên quan đến chim hoang dã, di cư theo đúng quy định của pháp luật.

Đề nghị Công an huyện và yêu cầu Phòng Tài nguyên và Môi trường; Hạt Kiểm lâm huyện; Trung tâm Văn hóa, TTTT huyện; Ủy ban nhân dân các xã, Thị trấn chủ động chỉ đạo, tổ chức thực hiện kịp thời các nội dung trên./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TTr Huyện ủy;
- TTr HĐND huyện;
- Chủ tịch, Các PCT UBND huyện;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Quán Vi Giang

BIỂU 01: TỔNG HỢP KẾT QUẢ RÀ SOÁT HIỆN TRẠNG RỪNG TRÊN ĐỊA BÀN XÃ*(Kèm theo Công văn số /UBND ngày tháng 10 năm 2022 của UBND huyện Quỳnh Hợp)*

TT	Nội dung	Kết quả phê duyệt, công bố của huyện (ha)	Kết quả rà soát lần này (ha)
I	Hiện trạng rừng Phòng hộ		
1	Tổng diện tích		
1.1	Đất có rừng		
1.2	Đất chưa có rừng		
a	Diện tích có cây gỗ tái sinh đang trong giai đoạn khoanh nuôi, phục hồi để thành rừng		
b	Diện tích đã trồng cây rừng nhưng chưa đạt các tiêu chí thành rừng		
c	Diện tích khác đang được sử dụng để phát triển rừng (bao gồm diện tích đất có khả năng trồng rừng)		
II	Hiện trạng rừng đặc dụng		
1	Tổng diện tích		
1.1	Đất có rừng		
1.2	Đất chưa có rừng		
a	Diện tích có cây gỗ tái sinh đang trong giai đoạn khoanh nuôi, phục hồi để thành rừng		
b	Diện tích đã trồng cây rừng nhưng chưa đạt các tiêu chí thành rừng		
c	Diện tích khác đang được sử dụng để phát triển rừng (bao gồm diện tích đất có khả năng trồng rừng)		
III	Hiện trạng rừng sản xuất		
1	Tổng diện tích		
1.1	Đất có rừng		
1.2	Đất chưa có rừng		
a	Diện tích có cây gỗ tái sinh đang trong giai đoạn khoanh nuôi, phục hồi để thành rừng		
b	Diện tích đã trồng cây rừng nhưng chưa đạt các tiêu chí thành rừng		
c	Diện tích khác đang được sử dụng để phát triển rừng (bao gồm diện tích đất có khả năng trồng rừng)		

TM UBND XÃ (CHỦ RỪNG NHÓM II)**NGƯỜI LẬP BIỂU**

BIỂU 02: THỐNG KẾ DIỆN TÍCH ĐẤT TRỒNG RỪNG PHÒNG HỘ, ĐẶC DỤNG*(Kèm theo Công văn số /UBND ngày tháng 10 năm 2022 của UBND Huyện Quỳnh Hợp)*

TT	Chủ rừng	Lô	Khoảnh	Tiểu khu	Diện tích	Trong đó		Dự kiến năm trồng
						Rừng phòng hộ	Rừng đặc dụng	
	Ban quản lý rừng phòng hộ							
	Công ty							
	UBND xã							
	Hộ gia đình, cộng đồng, dân cư thôn...							

TM UBND XÃ (CHỦ RỪNG NHÓM II)**NGƯỜI LẬP BIỂU**

BIỂU 03: TỔNG HỢP KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN RỪNG ĐẶC DỤNG PHÒNG HỘ, ĐẶC DỤNG

(Kèm theo Công văn số /SNN.KL ngày tháng 10 năm 2022 của Sở Nông nghiệp và PTNT)

TT	Nội dung	Tổng khối lượng	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Năm 2026	Năm 2027
I	Kế hoạch trồng rừng phòng hộ						
1	Diện tích trồng mới rừng phòng hộ						
1.1	Thuộc các chủ rừng nhóm II						
a	Ban quản lý rừng phòng hộ						
b	Công ty TNHH LN ...						
							
1.2	Thuộc chủ rừng nhóm I						
a	Rừng chưa giao do UBND xã đang quản lý						
b	Diện tích đã giao cho Hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn..						
2	Diện tích trồng lại rừng phòng hộ						
2.1	Thuộc các chủ rừng nhóm II						
a	Ban quản lý rừng phòng hộ						
b	Công ty TNHH LN ...						
							
2.2	Thuộc chủ rừng nhóm I						
a	Rừng chưa giao do UBND xã đang quản lý						
b	Diện tích đã giao cho Hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn..						
II	Kế hoạch trồng rừng đặc dụng						
1	Diện tích trồng mới rừng đặc dụng						
1.1	Thuộc các chủ rừng nhóm II						
a	Ban quản lý rừng phòng hộ						
b	Công ty TNHH LN ...						

							
1.2	Thuộc chủ rừng nhóm I						
a	Rừng chưa giao do UBND xã đang quản lý						
b	Diện tích đã giao cho Hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn..						
2	<i>Diện tích trồng lại rừng đặc dụng</i>						
2.1	Thuộc các chủ rừng nhóm II						
a	Ban quản lý rừng phòng hộ						
b	Công ty TNHH LN ...						
							
2.2	Thuộc chủ rừng nhóm I						
a	Rừng chưa giao do UBND xã đang quản lý						
b	Diện tích đã giao cho Hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn..						

TM UBND XÃ (CHỦ RỪNG NHÓM II)

NGƯỜI LẬP BIỂU

BIỂU 04: TỔNG HỢP NHU CẦU HỖ TRỢ TRỒNG RỪNG SẢN XUẤT
(Kèm theo Công văn số /UBND ngày tháng 10 năm 2022 của UBND huyện)

STT	Tên chủ hộ gia đình	Thôn, bản	Dân tộc	Số khẩu	Diện tích hỗ trợ trồng rừng (ha)			Kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)					Ghi chú	
					Diện tích (ha)	Vị trí		Tổng	Năm trồng	Chăm sóc năm 1	Chăm sóc năm 2	Chăm sóc năm 3		
						Tiểu khu	Khoảnh							Lô
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
I	Tổng Huyện.....													
I.1	Xã khu vực II													
1	Xã.....													
	Nguyễn Văn A													
														
2	Xã.....													
														
I.2	Xã khu vực III													
	(lập lại tương tự như mục 1.1)													

TM UBND XÃ

NGƯỜI LẬP BIỂU

BIỂU 01: TỔNG HỢP KẾT QUẢ RÀ SOÁT HIỆN TRẠNG RỪNG TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN

(Kèm theo Công văn số /SNN.KL ngày tháng 10 năm 2022 của Sở Nông nghiệp và PTNT)

TT	Nội dung	Kết quả phê duyệt, công bố của huyện (ha)	Kết quả rà soát lần này (ha)
I	Hiện trạng rừng Phòng hộ		
1	Tổng diện tích		
1.1	Đất có rừng		
1.2	Đất chưa có rừng		
a	Diện tích có cây gỗ tái sinh đang trong giai đoạn khoanh nuôi, phục hồi để thành rừng		
b	Diện tích đã trồng cây rừng nhưng chưa đạt các tiêu chí thành rừng		
c	Diện tích khác đang được sử dụng để phát triển rừng (bao gồm diện tích đất có khả năng trồng rừng)		
II	Hiện trạng rừng đặc dụng		
1	Tổng diện tích		
1.1	Đất có rừng		
1.2	Đất chưa có rừng		
a	Diện tích có cây gỗ tái sinh đang trong giai đoạn khoanh nuôi, phục hồi để thành rừng		
b	Diện tích đã trồng cây rừng nhưng chưa đạt các tiêu chí thành rừng		
c	Diện tích khác đang được sử dụng để phát triển rừng (bao gồm diện tích đất có khả năng trồng rừng)		
III	Hiện trạng rừng sản xuất		
1	Tổng diện tích		
1.1	Đất có rừng		
1.2	Đất chưa có rừng		
a	Diện tích có cây gỗ tái sinh đang trong giai đoạn khoanh nuôi, phục hồi để thành rừng		
b	Diện tích đã trồng cây rừng nhưng chưa đạt các tiêu chí thành rừng		
c	Diện tích khác đang được sử dụng để phát triển rừng (bao gồm diện tích đất có khả năng trồng rừng)		

TM UBND HUYỆN (CHỦ RỪNG NHÓM II)

NGƯỜI LẬP BIỂU

BIỂU 02: THỐNG KẾ DIỆN TÍCH ĐẤT TRỒNG RỪNG PHÒNG HỘ, ĐẶC DỤNG*(Kèm theo Công văn số /SNN.KL ngày tháng 10 năm 2022 của Sở Nông nghiệp và PTNT)*

TT	Chủ rừng	Lô	Khoảnh	Tiểu khu	Diện tích	Trong đó		Dự kiến năm trồng
						Rừng phòng hộ	Rừng đặc dụng	
	Ban quản lý rừng phòng hộ							
	Công ty							
	UBND xã							
	Hộ gia đình, cộng đồng, dân cư thôn...							

TM UBND HUYỆN (CHỦ RỪNG NHÓM II)**NGƯỜI LẬP BIỂU**

BIỂU 03: TỔNG HỢP KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN RỪNG ĐẶC DỤNG PHÒNG HỘ, ĐẶC DỤNG*(Kèm theo Công văn số /SNN.KL ngày tháng 10 năm 2022 của Sở Nông nghiệp và PTNT)*

TT	Nội dung	Tổng khối lượng	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Năm 2026	Năm 2027
I	Kế hoạch trồng rừng phòng hộ						
1	Diện tích trồng mới rừng phòng hộ						
1.1	Thuộc các chủ rừng nhóm II						
a	Ban quản lý rừng phòng hộ						
b	Công ty TNHH LN ...						
							
1.2	Thuộc chủ rừng nhóm I						
a	Rừng chưa giao do UBND xã đang quản lý						
b	Diện tích đã giao cho Hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn..						
2	Diện tích trồng lại rừng phòng hộ						
2.1	Thuộc các chủ rừng nhóm II						
a	Ban quản lý rừng phòng hộ						
b	Công ty TNHH LN ...						
							
2.2	Thuộc chủ rừng nhóm I						
a	Rừng chưa giao do UBND xã đang quản lý						
b	Diện tích đã giao cho Hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn..						
II	Kế hoạch trồng rừng đặc dụng						
1	Diện tích trồng mới rừng đặc dụng						
1.1	Thuộc các chủ rừng nhóm II						
a	Ban quản lý rừng phòng hộ						
b	Công ty TNHH LN ...						

							
1.2	Thuộc chủ rừng nhóm I						
a	Rừng chưa giao do UBND xã đang quản lý						
b	Diện tích đã giao cho Hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn..						
2	<i>Diện tích trồng lại rừng đặc dụng</i>						
2.1	Thuộc các chủ rừng nhóm II						
a	Ban quản lý rừng phòng hộ						
b	Công ty TNHH LN ...						
							
2.2	Thuộc chủ rừng nhóm I						
a	Rừng chưa giao do UBND xã đang quản lý						
b	Diện tích đã giao cho Hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn..						

TM UBND HUYỆN (CHỦ RỪNG NHÓM II)

NGƯỜI LẬP BIỂU

BIỂU 04: TỔNG HỢP NHU CẦU HỖ TRỢ TRỒNG RỪNG SẢN XUẤT*(Kèm theo Công văn số /SNN.KL ngày tháng 10 năm 2022 của Sở Nông nghiệp và PTNT)*

STT	Tên chủ hộ gia đình	Thôn, bản	Dân tộc	Số khẩu	Diện tích hỗ trợ trồng rừng (ha)			Kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)					Ghi chú	
					Diện tích (ha)	Vị trí		Tổng	Năm trồng	Chăm sóc năm 1	Chăm sóc năm 2	Chăm sóc năm 3		
						Tiểu khu	Khoảnh							Lô
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
I	Tổng Huyện.....													
I.1	Xã khu vực II													
1	Xã.....													
	Nguyễn Văn A													
														
2	Xã.....													
														
I.2	Xã khu vực III													
	(lập lại tương tự như mục 1.1)													

TM UBND HUYỆN

NGƯỜI LẬP BIỂU